TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST Ngày: 28-8-2018 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;
- Ông Nguyễn Văn Bạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T,** sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp A, xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc T1,** sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp A, xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh T1 tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì anh T1 bắt đầu chơi cờ bạc, đá gà, cá độ đá banh… Đến năm 2017, anh T1 cờ bạc thiếu nợ số tiền lớn đến 240.000.000 đồng, chị phải bán đất cha chồng cho để trả nợ cho anh T1. Khi đã trả hết nợ thì anh T1 lại tiếp tục cờ bạc, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T1 vẫn tiếp tục, anh T1 bỏ mặc chị và các con không còn quan tâm, cũng không còn lo lắng gì cho gia đình nữa. Hiện chị và anh T1 không còn sống chung với nhau. Nay chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 02 con là cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 26-7-2003 và cháu Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 12-9-2009 (đều là nam). Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con vì từ trước đến nay cũng chỉ có một mình chị lo lắng, chăm sóc cho con, anh T1 không quan tâm gì đến.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu để hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T cam kết không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Quốc T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh T1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Quốc T1 tranh chấp về ly hôn; anh T1 hiện cư trú trên địa bàn huyện Cai Lậy. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Nguyễn Quốc T1 không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Quốc T1 là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sống hạnh phúc được một

thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên cờ bạc, chị T phải trả nợ cho anh T1 nhiều lần với số tiền lớn, việc này được ông Nguyễn Văn C là cha ruột của anh T1 thừa nhận là có thật. Hơn nữa, anh T1 không quan tâm gì đến vợ con, không chăm lo cho đời sống của vợ chồng, hiện nay thường xuyên bỏ nhà đi, bỏ mặc chị T phải chăm lo cho hai con chưa thành niên, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02-2018 đến nay. Dù việc này chỉ do phía chị T nêu ra, nhưng phía anh T1 không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh T1 cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ con, nên xem như anh T1 đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và yêu cầu được nuôi con của chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T và anh T1 đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T1 không yêu cầu được nuôi con, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị T. Cháu Nguyễn Nhật T2 và Nguyễn Nhật T3 có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu Tòa án cho cha mẹ hai cháu ly hôn. Chị T có yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, xét thấy yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị T là phù hợp vì chị có công việc ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con được chính quyền địa phương xác nhận và phù hợp với nguyện vọng của cháu T2, cháu T3 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T. Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 26-7-2003 và cháu Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 12-9-2009 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T chưa yêu cầu).

Anh Nguyễn Quốc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15678 ngày 20-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên được trừ vào án phí, xem như chị T đã thi hành xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Quốc T1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã MT, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực